TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST.
Ngày: 11 – 07 – 2025.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ník Êban.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết .

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Quốc Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tất Tại – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐST – DS, ngày 22 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST – DS, ngày 09/06/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P. Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E (nay là TDP E, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Điệp T. Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E (nay là TDP5, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 09/12/2013 (AL) vợ chồng ông Nguyễn Hồng D1 và bà Đinh Thị P có cho ông Nguyễn Điệp T và bà Phạm Thị H1 vay số tiền 50.000.000 đồng. Các bên có lập giấy tờ vay mượn và có chữ ký của ông T và bà H1 tại mục bên vay, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, trả lãi hàng tháng. Tuy trong giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả nhưng lúc nào chúng tôi cần tiền đáo hạn ngân hàng thì chúng tôi lấy. Từ năm 2013 – 2015 ông T và bà H1 đã trả được số tiền 30.000.000 đồng gốc. Còn nợ lại là 20.000.000 đồng, từ năm 2015 cho đến nay chưa trả được cho vợ chồng chúng tôi khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù chúng tôi đòi nhiều lần nhưng không trả nên ông T và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ .

Nên ông D1 và bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H2 phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra còn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền chi phí giám định là 5.400.000 đồng.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Điệp T trình bày:* Vào ngày 09/12/2013 AL tôi và vợ là bà Nguyễn Thị H có vay của ông D1 và bà P số tiền là 50.000.000 đồng. Hiện tại đã trả được 30.000.000 đồng còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nay ông D1 và bà P khởi kiện yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất là 26.400.000 đồng. Thì vợ chồng tôi đồng ý trả số tiền gốc 20.000.000 đồng còn vợ chồng tôi xin tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, Kết luận giám định chữ ký chữ viết, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn bà H và ông T đến Tòa án làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại các buổi Hòa giải do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một số thiếu sót như sau:

- Ngày 30/3/2025, tại Phòng K Công an tỉnh Đ, ông Phạm Xuân Q, chức vụ: Thư ký thuộc Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã nhận lại đối tượng giám định kèm theo Kết luận giám định số: 465/KL-KTHS. Tuy nhiên, ngày 01/4/2025, Thẩm phán ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 10/2025/QĐST-DS với lý do cần đợi kết quả theo Quyết định trưng cầu giám định số 04/2025/QĐ-TCGĐ ngày 11/3/2025 của Tòa án là không có căn cứ. Vi phạm khoản 1 Điều 214 BLTTDS.

- Ngày 01/4/2025, Thẩm phán ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 10/2025/QĐST-DS nhưng đến ngày 24/4/2025, mới gửi quyết định cho Viện kiểm sát (gửi chậm 21 ngày) là vi phạm khoản 2 Điều 214 BLTTDS.

- Ngày 22/5/2025, Thẩm phán ra Quyết định số: 15 đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mới gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát (chậm 09) là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Còn đối với các thành viên HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực

hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng K - Công an tỉnh Đ đã xác định được bị đơn có vay và còn nợ của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Đối với chi phí giám định, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P, xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại TDP E, thị trấn E, huyện E (nay là TDP5, xã E), tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Điệp T phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 20.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết thì bị đơn bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắnh mặt không có lý do. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào "giấy vay tiền ngày 09/12/2013 Al" do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác đã thu thập được Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H. Tại bản Kết luận giám định số 465/KL-KTHS ngày 30/3/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị H dưới mục "Đại diện bên B" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, do cùng một ngươi ký và viết ra. Mặt khác, tại bản tự khai của ông Nguyễn Điệp T thừa nhận vào ngày 09/12/2013 A có vay nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. trả được 30.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp.

Do đó, đủ căn cứ chứng minh ông Nguyễn Điệp T và bà Nguyễn Thị H có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. đã trả được 30.000.000 đồng và còn nợ lại là 20.000.000 đồng là đúng.

Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 09/12/2013 A không xác định thời hạn trả nợ, tuy nhiên các bên có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng trả theo tháng và Thỏa thuận khi nào cần

tiền đáo hạn ngân hàng thì ông D và bà P lấy tiền. Do đó có đến hạn trả lãi và nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ HĐXX cần chấp nhận. Cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chi phí giám định hết 5.400.000 đồng để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 5.400.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P.

Buộc ông Nguyễn Điệp T và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Điệp T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P số tiền 5.400.000 đồng chi phí giám định.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông ông Nguyễn Điệp T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức 20.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả cho ông Phạm Hồng D và bà Đinh Thị P số tiền tạm ứng án phí 1.222.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000662, ngày 30/09/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Cơ quan THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc